

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn” thụ lý số 244/2023/HNST ngày 18 tháng 10 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Minh N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 271/4A Đường X, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Chung Thị Thảo L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 271/4A Đường X, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua thời gian tìm hiểu 01 năm, ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L tự nguyện kết hôn chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01-2007 đăng ký ngày 19/6/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong quá trình chung sống sau 03 năm thì hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Hiện nay cả hai xác định không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ nên cả hai bên cùng thống nhất yêu cầu: Tòa án công nhận

thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 37, quyển số 01 - 2008, ngày 22/4/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Lê Minh T, sinh ngày 11/4/2008). Căn cứ vào xác nhận của ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L thì ông bà có 01 (một) người con chung có tên họ tên như trên.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao 01 (một) người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 11/4/2008 cho ông Lê Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L xác nhận nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01-2007 đăng ký ngày 19/6/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L có 01 (một) người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 11/4/2008.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao 01 (một) người con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 11/4/2008 cho ông Lê Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Chung Thị Thảo L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai

bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0010852 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Lê Minh N và bà Chung Thị Thảo L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa